

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BÉ YÊU CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

*Thời gian thực hiện 4 tuần: Từ ngày 23/03 đến ngày 17/04/2026*

## I. Mục tiêu:

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
<b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>					
<b>a. Phát triển vận động</b>					
1	12-18 tháng	Trẻ tích cực thực hiện bài tập. Làm được một số động tác đơn giản cùng cô: giơ cao tay, ngồi cúi về phía trước, nằm giơ cao chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau (24-36 tháng: kết hợp với lắc bàn tay)	Tập thụ động: - Chân: ngồi, chân dang sang 2 bên, nhấc cao từng chân, nhấc cao 2 chân.	* <b>HD học:</b> - Thể dục sáng: Tập các động tác thể dục
2	18-24 tháng	Trẻ có thể bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang	- Lung, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, (24-	- Chân: Dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.	
3	24-36 tháng	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	36 tháng: Vặn người sang 2 bên)	- Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	
4	12-18 tháng	Trẻ tự đi tới chỗ giáo viên (khi được gọi) hoặc đi tới chỗ trẻ muốn: Đi trong đường hẹp	- Tập đi, chạy: + Đi trong đường hẹp		* <b>Chơi - tập có chủ định:</b> - Đi trong đường hẹp - Đi bước qua vật cản
5	18-24 tháng	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi: Đi bước qua vật cản (Cao khoảng 5cm)		- Tập đi, chạy: + Đi bước qua vật cản (Cao khoảng 5cm) (3,8)	- Chạy đổi hướng + TCVD: Dung dăng dung dẻ - Đứng tung bóng vào rổ

6	24-36 tháng	Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động: Chạy đổi hướng		+ Chạy đổi hướng	- Ném bóng qua dây - Tung bóng qua dây + TCVD: Hái nấm
8	18-24 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Ném bóng qua dây		- Tập tung ném: + Ném bóng qua dây	
9	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung bóng qua dây		+ Tung bóng qua dây	
10	12-18 tháng	Trẻ thực hiện các vận động có sự phối hợp: Bò theo bóng lăn		- Tập trườn, bò qua vật cản + Bò theo bóng lăn	* <b>Chơi - tập có chủ định:</b> - Bò theo bóng lăn - Bò chui dưới gậy kê cao - Bò qua vật cản + TCVD: Chiếc đồng hồ
11	18-24 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong: Bò chui dưới gậy kê cao		+ Bò chui dưới gậy kê cao	
12	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi: Bò qua vật cản		Tập bò, trườn: + Bò qua vật cản	
13	12-18 tháng	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động lăn, ném bóng: Đứng tung bóng; Đứng tung bóng vào rổ		- Ngồi lăn, tung bóng + Đứng tung bóng + Đứng tung bóng vào rổ	* <b>Chơi - tập có chủ định:</b> - Đứng tung bóng - Ném bóng qua dây - Đá bóng về phía trước + TCVD: Cái chuông nhỏ
15	24-36 tháng	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Đá bóng về phía trước		+ Đá bóng về phía trước	
16	12-18 tháng	Trẻ thực hiện được cử động bàn tay, ngón tay khi cầm,	- Đóng mở nắp (12-18 tháng:	- Xoay bàn tay và cử động các ngón tay.	* <b>Hoạt động chơi:</b> - Chơi trò chơi với các ngón tay.

		gỗ, bóp, đập đồ chơi.	không ren; 18-24 tháng: có ren)	- Gỗ, đập, cầm đồ vật. - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay	- Đóng cọc bàn gỗ - Xem tranh, ảnh, sách về các loại phương tiện giao thông.
17	18-24 tháng	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.			
18	24-36 tháng	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo".		- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối	
19	12-18 tháng	Trẻ biết lồng được 2 - 3 hộp, xếp chồng được 2 - 3 khối vuông.	- Tháo lắp, lồng hộp (18-24 tháng: hộp tròn, vuông)		<b>* Chơi - tập có chủ định:</b> - Di màu xe đạp - Nặn bánh xe - Di màu máy bay - Xếp đoàn tàu <b>* Hoạt động chơi:</b> - Cho trẻ chơi vò giấy. + Vò, xé giấy, nhào đất nặn. + Đóng cọc bàn gỗ + Nhón, nhặt đồ vật
20	18-24 tháng	Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ	- Xếp chồng (12-18 tháng: 2-3 khối; 18-24 tháng: 4 - 5 khối)		
21	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách	

**b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

31	12-18 tháng	Trẻ tập làm một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	12-18; 18-24 tháng: - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn.		* <b>Hoạt động ăn:</b> - Hướng dẫn trẻ tập ngồi vào bàn ăn, tập cầm thìa xúc cơm. - Thực hành trẻ lấy khăn lau miệng, tập cầm cốc/ vịn vòi nước để lấy nước uống có sự giúp đỡ của cô.
32	18-24 tháng	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.		
33	24-36 tháng	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).		- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	
34		Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ	
35	12-18 tháng	Trẻ có thể biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy		* <b>Hoạt động chơi:</b> Cho trẻ xem tranh ảnh và trò chuyện với trẻ không đi

		đang đun...) khi được nhắc nhở	hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước...)		chơi dưới lòng đường khi không có người lớn, không được đến gần, sờ vào bộ xe máy khi vừa tắt máy.
36	18-24 tháng	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở			
37	24-36 tháng	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng)... Biết tránh xa các khu vực ven rừng, đồi núi, bờ suối, khu vực đang có nguy cơ sạt lở khi được nhắc nhở		- Tránh xa các khu vực ven rừng, đồi núi, bờ suối, khu vực đang có nguy cơ sạt lở.	
38	12-18 tháng	Trẻ có thể tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên bàn (24-36 tháng: lan can), ghế..., không sờ vào ổ điện, chơi các vật sắc nhọn khi được nhắc nhở)		* <b>Hoạt động chơi:</b> + Hướng dẫn trẻ tránh một số hành động nguy hiểm: Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn... .
39	18-24 tháng	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	+ Không chơi dưới trời mưa; trời nắng		
40	24-36 tháng	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật	+ Không chơi gần gần ao hồ, sông suối + Không được chơi đùa ngoài		

		sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	trời khi đang có giông, sét.		
<b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>					
41	12-18 tháng	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	12-18; 18-24 tháng: - Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh.		* <b>Hoạt động chơi:</b> - Xem tranh ảnh và mô tả về các phương tiện giao thông quen thuộc
42	18-24 tháng	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn		
43	24-36 tháng	Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	
53	12-18 tháng	Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	12-18; 18-24 tháng: - Tên của phương tiện giao thông		* <b>Chơi - tập có chủ định:</b> - Nhận biết xe đạp - Nhận biết hình tròn, hình vuông - Nhận biết máy bay - Nhận biết cái thuyền
54	18-24 tháng	Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	gần gũi. ( <i>Giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình "Tôi yêu Việt Nam"</i> )		
55	24-36 tháng	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, quen thuộc		- Đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	
56	12-18 tháng	Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, xanh, (24- 36 tháng: vàng)		* <b>Chơi - tập có chủ định:</b> - Nhận biết hình tròn hình vuông

		hoặc gợi ý của người lớn.			<b>* Hoạt động chơi:</b>
57	18-24 tháng	Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.			- Cho trẻ chơi với quả bóng, hạt vòng màu đỏ, hạt vòng màu xanh, màu vàng. - Yêu cầu trẻ chỉ và nói tên phương tiện giao thông theo yêu cầu
58	24-36 tháng	Trẻ biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.			- Trò chơi: Tìm đúng màu
59		Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ		- Hình tròn/hình vuông	

### 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

63	12-18 tháng	Trẻ làm theo được một vài yêu cầu đơn giản: chào – khoanh tay; hoan hô – vỗ tay; tạm biệt – vẫy tay...	12-18; 18-24 tháng:		<b>* Hoạt động chơi:</b> Xem tranh ảnh, trò chuyện về các phương tiện giao thông quen thuộc.
64	18-24 tháng	Trẻ hiểu được từ "không" : dừng hành động khi nghe "Không được lấy !" ; "Không được sờ !"...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.		
65	24-36 tháng	Trẻ biết trả lời các câu hỏi : Cái gì đây? Xe gì đây? Đi ở đâu, kêu thế nào?		- Nghe các câu hỏi: Cái gì đây? Xe gì đây? Đi ở đâu, kêu thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	

66	12-18 tháng	Trẻ có thể hiểu câu hỏi: Tên truyện Vì sao thỏ cụt đuôi	12-18; 18-24 tháng: - Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.		* <b>Chơi - tập có chủ định</b> - Truyện: Vì sao Thỏ cụt đuôi * <b>Hoạt động chơi:</b> - Nghe đọc truyện: Chú xe ủi - Nghe đọc thơ: Xe đạp, con tàu.....
67	18-24 tháng	Trẻ có thể trả lời được các câu hỏi đơn giản : Truyện Vì sao thỏ cụt đuôi			
68	24-36 tháng	Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật trong truyện: Vì sao Thỏ cụt đuôi.	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “ Như thế nào?”. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý	
69	12-18 tháng	Bắt chước được âm thanh ngôn ngữ khác nhau: ta ta, meo meo, bim bim...	- Phát âm các âm khác nhau. 12-18; 18-24 tháng: - <i>Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ.</i>		* <b>Hoạt động chơi:</b> - Xem tranh ảnh, gọi tên các loại phương tiện giao thông. - Chơi với các lô tô về phương tiện giao thông. * <b>TCTV:</b> Trẻ nói được cùng cô các từ: Xe đạp, xe máy, ô tô...đường bộ, tàu thủy ... đường thủy. Máy bay...đường hàng không,.....
70	18-24 tháng	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn : Mắt, mũi, tai...			
71	24-36 tháng	Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.			
72	12-18 tháng	Trẻ nhắc lại được một số từ đơn: Xe đạp, Bé nằm mơ, Con tàu	12-18; 18-24 tháng: - Đọc theo, đọc tiếp cùng cô		* <b>Chơi – tập có chủ định</b> - Thơ: Xe đạp - Thơ: Bé nằm mơ

73	18-24 tháng	Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ: Xe đạp, Bé nằm mơ, Con tàu	tiếng cuối của câu thơ.		- Thơ: Con tàu * <b>Hoạt động chơi:</b> - Nghe đọc truyện: Vì sao thỏ cụt đuôi
74	24-36 tháng	Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. Xe đạp, Bé nằm mơ, Con tàu		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	
75	12-18 tháng	Trẻ sử dụng các từ đơn khi giao tiếp như nói tên xe: đạp, máy...	- Phát âm các âm khác nhau		* <b>Hoạt động chơi:</b> - Trò chuyện với trẻ về tên chức năng của một số phương tiện giao thông: Xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay...
76	18-24 tháng	Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: Xe đạp, ô tô...			
77	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng: Xe máy, máy xúc...		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	
78	12-18 tháng	Trẻ có thể nói câu gồm 1 hoặc 2 từ: “bé”(khi muốn được bế); “uống” hoặc “nước” (khi muốn uống nước); “măm măm” (khi muốn ăn); “đi, đi” (khi muốn đi chơi)...	12-18; 18-24 tháng: - Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.		* <b>Hoạt động vệ sinh, ăn, ngủ:</b> - Cô trò chuyện với trẻ về nhu cầu, mong muốn của trẻ.
79	18-24 tháng	Trẻ có thể chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).			

80	24-36 tháng	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	
----	-------------	--	--	---	--

#### 4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

87	12-18 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	12-18; 18-24 tháng: - Giao tiếp với cô và bạn.		* <b>Hoạt động chơi, hoạt động giao lưu cảm xúc.</b> - Trò chuyện, âu yếm trẻ, cho trẻ chơi với bạn, nhắc trẻ chào cô, chào bạn... * <b>Hoạt động chơi:</b> - Chơi: Cho em ăn, cho em ngủ, bán hàng.
88	18-24 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi			
89	24-36 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh.	
97	12-18 tháng	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	12-18; 18-24 tháng: - Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.		* <b>Hoạt động chơi:</b> - Trò chuyện, nhắc nhở trẻ chào tạm, biệt ông bà, bố mẹ, cảm ơn khi được giúp đỡ. - Nhắc nhở trẻ chơi đoàn kết với bạn, chơi cạnh bạn.
98	18-24 tháng	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở			
99	24-36 tháng	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.		- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt,	

				cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ạ’; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	
100	12-18 tháng	Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		<p><b>* Hoạt động chơi:</b></p> <p>- Góc thao tác vai: Bé em, cho em ăn, cho em ngủ, bán hàng</p> <p><b>* Hoạt động chơi:</b></p> <p>- Chơi với bạn, cạnh bạn khi chơi với các đồ chơi, dạo chơi ngoài trời,...</p>
101	18-24 tháng	Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).			
103	24-36 tháng	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	
107	12-18 tháng	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...). Lái ô tô, Em tập lái ô tô, Đèn xanh, đèn đỏ, Em đi chơi thuyền, Đi đường em nhớ	12-18; 18-24 tháng: - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.		<p><b>* Chơi - tập có chủ định:</b></p> <p>- Dạy hát: Lái ô tô, Đèn xanh đèn đỏ</p> <p>- VĐTN: Em tập lái ô tô</p> <p>- Nghe hát: Đi đường em nhớ, Em đi chơi thuyền</p> <p>- Trò chơi: Ai nhanh nhất, Tai ai tinh</p>
108	18-24 tháng	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...). Lái ô tô, Em tập lái ô tô, Đèn xanh, đèn đỏ, Em đi chơi thuyền, Đi đường em nhớ			
109	24-36 tháng	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc	

		Lái ô tô, Em tập lái ô tô, Đèn xanh, đèn đỏ, Em đi chơi thuyền, Đi đường em nhớ			
110	12-18 tháng	Trẻ thích vẽ, xem tranh	12-18; 18-24 tháng: - Tập cầm bút vẽ.		<b>* Chơi - tập có chủ định:</b> - HĐVĐV: + Di màu xe đạp + Nặn bánh xe + Di màu máy bay + Xếp đoàn tàu <b>* Hoạt động chơi:</b> - Xếp đường đi. - Góc nghệ thuật: Di màu xe đạp, ô tô, máy bay...
111	18-24 tháng	Trẻ thích vẽ, xem tranh	12-18; 18-24; 24-36 tháng: - Xem tranh		
112	24-36 tháng	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt lịch ngoặc)		Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình	
<b>Tổng số mục tiêu: 72</b>					

## II. Chuẩn bị

- Bộ đồ chơi xâu hạt, xếp hình, xắc xô, phách tre, trống....
- Tranh, ảnh về các loại phương tiện giao thông...
- Các hình ảnh minh họa thơ: Xe đạp; Bé nằm mơ; Con Tàu; Đi chơi phố...
- Hình ảnh minh họa truyện: Vì sao thỏ cụt đuôi...
- Khối gỗ, hạt vòng, đất nặn, bút sáp màu, xắc xô...

## III. Mở chủ đề

- Cô chuẩn bị các tranh có liên quan đến chủ đề “Bé yêu các phương tiện giao thông” gắn lên lớp học (tạo môi trường lớp học có liên quan đến chủ đề)
- Cô cho trẻ quan sát trò chuyện để trẻ nói lên những hiểu biết của mình về phương tiện giao thông.
- Hát, múa, kể chuyện, đọc thơ, câu đố về chủ đề.
- Dạy trẻ nhận biết và gọi tên các loại phương tiện giao thông

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký duyệt)

**NGƯỜI LẬP**

**Quàng Thị Khuyên**

**Lò Thị Hà**

